

**CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO
VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022**

Stt	Nội dung	TMDT được duyệt	TDT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	976.805.585.000		332.640.306.899	35.055.773.000	
I	Vốn thiết kế quy hoạch					
1	Dự án					
II	Vốn chuẩn bị đầu tư					
1	Dự án					
III	Vốn thực hiện dự án					
A	Dự án nhóm A					
1	Dự án					
B	Dự án nhóm B	552.376.472.000		217.349.831.774	2.828.117.000	
1	Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình	62.731.000.000		18.382.027.000	-3.933.034.000	
2	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	202.202.000.000		80.595.298.000	-330.856.000	
3	HTKT KDC phía Đông Chợ Dinh mới	110.656.472.000		69.607.056.774	2.000.000.000	
4	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	176.787.000.000		48.765.450.000	4.851.607.000	
5	HTKT Khu Đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn				240.400.000	
C	Dự án nhóm C	85.869.000.000		48.570.031.125	-2.828.117.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2 thuộc khu vực 1, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	39.473.000.000		31.860.028.125	-1.685.119.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây nguyên	37.413.000.000		9.167.273.000	-914.668.000	

Stt	Nội dung	TMBĐT được duyệt	TDT được Duyệt	Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước	Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2022	Ghi chú
3	Hệ thống HTKT Khu dân cư tại dải cây xanh khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	8.983.000.000		7.542.730.000	-228.330.000	
D	Dự án nhóm B	338.560.113.000		66.720.444.000	35.055.773.000	
1	HTKT Khu Đô thị mới Long Vân (khu A2) phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	176.787.000.000		48.765.450.000	35.000.000.000	
2	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân	99.042.000.000		762.171.000	46.671.000	
3	Đầu tư XD các tuyến đường kết nối vào nhà ở xã hội Nhơn Bình	62.731.113.000		17.192.823.000	9.102.000	